

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-8-2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Ngọc T.

2. Ông Nguyễn Quốc Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1995 (có mặt).*

Địa chỉ: Số 53 tổ 5, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn: Anh Lê Trần Đăng K, sinh năm 1996 (vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 126 L, khu phố 3, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Cẩm T trình bày:** Chị T và anh K tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 18/01/2021. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2021 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị T yêu cầu ly hôn.

Lý do xin ly hôn: Chị T cho rằng quá trình chung sống tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm và lối sống, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, trong thời kỳ hôn nhân anh K không quan tâm cuộc sống gia đình và vợ con. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

Về con chung: Chị T xác nhận có một con chung tên Lê Huỳnh Diệp Y, sinh ngày 11/9/2020. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm T xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Lê Trần Đăng K:** Vắng mặt.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Cẩm T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Trần Đăng K. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Chị Huỳnh Thị Cẩm T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Trần Đăng K có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 126 L, khu phố 3, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn – anh Lê Trần Đăng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của anh K là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị T và anh K tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, chồng không quan tâm cuộc sống gia đình và vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 8/2021 đến nay.

Bị đơn – anh Lê Trần Đăng K đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do chị T cung cấp. Xét thấy thuận vợ chồng giữa chị T và anh K đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại Tòa, chị T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

[3] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm T xác nhận có một con chung tên Lê Huỳnh Diệp Y, sinh ngày 11/9/2020.

Xét thấy, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ổn định từ khi ly thân đến nay. Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần và bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, nên căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm T xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Trần Đăng K cũng không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Trần Đăng K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Huỳnh Diệp Y, sinh ngày 11/9/2020 cho chị Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm T xác nhận không có tài sản chung, và cam kết hiện nay không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này anh K có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 00 01982 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thâm